

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó GS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông nghiệp;

Chuyên ngành: Nông học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM VĂN QUANG

2. Ngày tháng năm sinh: 11.01.1968; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Công giáo.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố)
120 đường Cặp Rạch Mương Khai, Khóm Đông Thịnh 8, Phường Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): Khoa Nông Nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học An Giang, số 18 Ung Văn Khiêm, Long Xuyên, An Giang. Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0837669983; E-mail: pvquang@agu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Năm 1991 - 2000: Trợ giảng và nghiên cứu viên tại Bộ môn Khoa học đất, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ năm 2001 - 2006: Giảng dạy và nghiên cứu, giảng viên tại Bộ môn Phát triển nông thôn và Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học An Giang.
- Năm 2006 - 2013: Học Tiến sĩ tại Viện Kỹ Thuật Hoàng Gia Thụy Điển, Thụy Điển.

- Năm 2013 - nay: Giảng dạy và nghiên cứu, giảng viên tại Bộ môn Phát triển nông thôn và Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ cơ quan: Số 18 Ung Văn Khiêm, Long Xuyên, An Giang.
- Điện thoại cơ quan: +84 296 6256565
- Trình giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 16 tháng 9 năm 1991; số văn bằng: số A 73511; ngành: **Thủy nông và Cải tạo đất**. Chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (Trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ.
- Được cấp bằng **ThS** ngày 01 tháng 9 năm 1998; số văn bằng: ; ngành: **Ngành Khoa Học Đất**; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học nông nghiệp Thụy Điển, Uppsala, Thụy Điển.
- Được cấp bằng **TS** ngày 19 tháng 12 năm 2013 số văn bằng: **68011-A177**; ngành: **Đất và kỹ thuật nguồn tài nguyên nước**; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Viện Kỹ Thuật Hoàng Gia Thụy Điển, Thụy Điển**.
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Đất và cải tạo đất trong nông nghiệp.
- Hướng nghiên cứu 2: Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến nông nghiệp.
- Hướng nghiên cứu 3: Phòng trừ sinh học dịch hại cây trồng, phân bón sinh học (nông nghiệp bền vững).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **07 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **02**; trong đó: **cấp cơ sở: 01, và 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia TP HCM loại B tương đương cấp bộ.**
- Đã công bố (số lượng) **39** bài báo khoa học, trong đó **22** bài báo là tác giả chính, **15** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của UBND tỉnh An Giang giải nhì hội thi sáng tạo kỹ thuật lần X (2016, 2017), chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2022, giấy khen thành tích nghiên cứu khoa học công nghệ năm 2022-2023, công trình khoa học có công bố quốc tế năm 2024.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 25 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
	2017-2018			02	02	234	45	279/443/270
1	2018-2019			02		293		293/ 409,5 /270
2	2021-2022			02		150	90	240/ 321 /270
03 năm học cuối								
4	2022-2023					105	135	240/ 288 /270
5	2023-2024			03		285		285/ 383,5/270
6	2024-2025				03	405		405/364,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước Thụy Điển.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học An Giang, 3 TC cho sinh viên Indonesia.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Văn Săng		HVCH	☒		21/10/2017 - 12/03/2021	Trường Đại học An Giang	12/03/2021 05/2020/CH2KHCT
2	Lê Trần Phúc Nguyên		HVCH	☒		21/10/2017 - 12/03/2021		12/03/2021 03/2020/CH2KHCT
3	Trần Thị Cẩm Ngân		HVCH	☒		18/05/2020 - 29/12/2021		29/12/2021 27/2021/CH4KHCT

4	Phan Hoàng Minh		HVCH	☒		18/05/2020 - 29/12/2021		29/12/2021 25/2021/CH4KHCT
5	Vũ Thị Chung		HVCH	☒		06/10/2022	Trường Đại học An Giang	10/03/2025 02/2520/CH7KHCT
6	Nguyễn Thị Xuân Thắm		HVCH	☒		06/10/2022		10/03/2025 07/2520/CH7KHCT
7	Đoàn Minh Trí		HVCH	☒		06/10/2022		10/03/2025 11/2520/CH7KHCT

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Conservation and development of the floating rice based agroecological farming systems in the mekong delta	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp ISBN: 978-604-60-0000-0	20		Chapter: The quality of topsoil in floating rice area in Vinh Phuoc Commune, Tri Ton District, An Giang province, Mekong Delta 51-58	
2	Conservation and development of the floating rice based agroecological farming systems in the mekong delta	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp ISBN: 978-604-60-0000-0	20		Chapter: The effect of salt stress on germination and seedling stages of floating rice in An Giang province, the Mekong Delta 88-97	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [GT].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Chế tạo thiết bị phục vụ tưới tự động có khả năng tích hợp các thiết bị quan trắc về khí tượng thủy văn và môi trường	CN	14.08.NN Trường Đại học An Giang	09/2014 09/2015	17/03/2017 Loại tốt
2	Xây dựng nền tảng tính toán hỗ trợ ra quyết định trong quy hoạch trồng trọt và tiên lượng năng suất cây trồng ứng phó với biến đổi khí hậu	CN	B2020-16-2 (đề tài loại B) Đại học QGTPHCM: Tương đương cấp bộ	01/2020 01/2022	26/05/2023 Loại khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Development and description of soil compaction on heavy clay orchard soils in the Mekong delta, Vietnam http://academicjournals.org/journal/SRE/article-abstract/D2E92BA16105	2	☒	Scientific Research and Essay ISSN 1992-2248		2	3 (10) 500-504	10/2008
2	Chemical properties during different development stages of fruit orchards in the Mekong delta (Vietnam) DOI: 10.4236/as.2011.23049	2	☒	Agricultural Sciences ISSN 2156-8561	Google-based Impact Factor: 1.22 https://www.scirp.org/journal/papercitationdetails?paperid=6782&journalid=191	Google Scholar: 11; CrossRef: 4	2 375-381	8/2011
3	Soil physical properties during different development stage of fruit orchards https://academicjournals.org/journal/JSSEM/article-abstract/823539610706	3	☒	Journal of Soil Science and Environmental Management ISSN 2141-2391		Google Scholar: 10	3(12) 308-319	12/2012
4	Soil Penetration Resistance and Its Dependence on Soil Moisture and Age of the Raised-Beds in the	3	☒	International Journal of Engineering Research and Development e-ISSN 2278-067X	IF: 6.51 https://www.ijerd.com/impact-	Google Scholar: 14	4, (8) 84-93	11/2012

	Mekong Delta, Vietnam https://www.ijerd.com/paper/vol4-issue8/N04088493.pdf				factor.htm 1			
Sau khi được công nhận TS								
5	Thiết kế xây dựng hệ thống điều khiển tưới tự động dựa trên khả năng trữ ẩm của đất https://apps.agu.edu.vn/qlkh//storage/app/agu/1555667795-02-pham-van-quangpdf.pdf	2	☒	Khoa học quốc tế AGU Trường ĐH An Giang ISSN 0866-8086			17 (5) 9 – 21	10/2017
6	Ảnh hưởng của lượng phân đạm và mật độ trồng đến sinh trưởng và năng suất của giống đậu tương Fukuyutaka tại An Giang	5		Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			11 34-40	11/2019
7	Ảnh hưởng mô hình một phải năm giảm lên dịch hại, thiên địch và hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa tại huyện châu thành, tỉnh An Giang	3		Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			11 91-99	11/2019
8	Kết hợp phân vô cơ và hữu cơ từ nguồn phụ phẩm nông nghiệp bón cho giống lúa OM5451 https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2020-09/Bai%2012_So%202-2020.pdf	3		Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			2(111) 59-64	02/2020

9	Đánh giá đa dạng di truyền tập đoàn lúa mùa nổi bằng chỉ thị SSR https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2020-09/Bai%2011_So%203-2020.pdf	5		Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			3(112) 59-63	3/2020
10	Tiềm năng của nấm Trichoderma và Paecilomyces trừ tuyến trùng <i>Meloidogyne</i> sp. gây bướu rễ trên cây tiêu	4		Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			9/2020 32-36	5/2020
11	Hiệu quả mô hình sản xuất lúa theo hướng an toàn tại huyện An Phú http://tsdt.tapchiv.aas.vn/_Epaper/files/library/site-6/20230830/2020-10/Bai%206_So%205-2020.pdf	3		Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			5(114) 34-38	4/2020
12	Ảnh hưởng của phân bón và độ cao lên năng suất, hàm lượng tinh dầu gừng gió (<i>Zingiber zerumbet</i> smith) tại núi Cẩm, An Giang	6		Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			391-2020 53-58	4/2020
13	Sinh trưởng, năng suất và chất lượng của hai giống đậu tương Tamahomare và Fukuyutaka trên đất lúa vụ đông xuân ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang http://tsdt.tapchiv.aas.vn/_Epaper/files/library/site-6/20230830/2021-	4		Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			3/2021 24-29	3/2021

	07/tc%20so%204-2021.pdf							
14	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại giá thể từ vỏ trấu lên sinh trưởng, năng suất và hàm lượng các chất có hoạt tính sinh học trong cây giọt băng (<i>Mesembryanthemum crystallinum</i> L.)	6		Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			11 61-68	6/2021
15	Effect of moisture on symptom development and colonization of <i>Fusarium</i> species on maize leaves https://www.creamjournal.org/pdf/CREAM_11_1_33.pdf	3	☒	Current Research in Environmental and Applied Mycology	Scopus CiteScore 1.4; SJR (2021): Q3		11(1) 485-493	12/2021
16	Ảnh hưởng của nhiệt độ đèn sinh trưởng phát triển và năng suất giống mè đen ADB1 trong điều kiện nhà màng https://tapchi.vaas.vn/vi/tap-chi/anh-huong-cua-nhiet-do-den-sinh-truong-phat-trien-va-nang-suot-giong-me-den-adb1-trong-dieu	4	☒	Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			3(136)/2022 47-54	4/2022
17	Đánh giá năng suất và chất lượng cơm của các giống lúa mùa nổi tại An Giang http://tsdt.tapchivaas.vn/_Epaper/files/library/sites/6/20230830/2022-08/tc5-2022_1.pdf	4		Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			02(135) 35-41	3/2022

18	Ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm và các mức phân đạm đến sinh trưởng, năng suất và hấp thu đạm của cây bắp	6	☒	Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			10/2022 41-48	5/2022
19	Giải pháp tư vấn thông minh hỗ trợ canh tác cây trồng trong bối cảnh ứng phó với biến đổi khí hậu và biến động thị trường	6		Tài nguyên và Môi trường ISSN 1859-1477			13(387) 48-50	7/2022
20	Rice Growth and Yield Responses to Climate Variabilities and Scenarios https://tis.wu.ac.th/index.php/tis/article/view/6390	7	☒	Trends in Sciences ISSN 2774-0226	SJR 2022 0.17 Q3	Google Scholar: 5	20(2):639 0	12/2022
21	Responses of Growth and Grain Yield of IR50404 Rice to Temperature Stress https://ijasc.pasca.unand.ac.id/index.php/ijac/article/view/421/93	6	☒	International Journal of Agricultural Sciences ISSN: 2598-1145		Google Scholar: 1	6 (1) (2022) 9-18	12/2022
22	Ảnh hưởng của nhiệt độ cao đến sinh trưởng và năng suất của cây đậu tương DT2006 trồng trong nhà màng tại An Giang	4	☒	Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			1+2/2023 23-29	01/2023
23	Ảnh hưởng của nhiệt độ đến sinh trưởng phát triển và năng suất giống cà chua Red Crown 250	4	☒	Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			02(144)/ 2023 49-54	02/2023

	trong điều kiện nhà màng https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2023-06/tc7-2023.pdf							
24	Applying the SIMPLE Crop Model to Assess Soybean (Glicine max. (L.) Merr.) Biomass and Yield in Tropical Climate Variation https://www.mdpi.com/2073-4395/13/4/1180	7	☒	<i>Agronomy</i> ISSN 2073-4395	ISI IF: 3.3 (2023); 5-Year IF: 3.7 (2023) JCR - Q1 https://www.mdpi.com/journal/agronomy/history	Google Scholar: 6	13(4), 1180;	4/2023
25	Literature review crop modeling and introduction a simple crop model https://www.jaast.org/index.php/jaast/article/view/123	6		Journal of Applied Agricultural Science and Technology ISSN 2621-2528		Google Scholar: 5	7(3) 197-216	8/2023
26	SIMPLE Crop Modeling for rice: Calibration, Validation, Evaluation and Sensitivity analysis in An Giang Province, Vietnam https://ejurnal.ban-gunharapanbangsa.id/index.php/JTA/article/view/112	7		Journal of Top Agriculture ISSN 2987-2847			1 (2) 45-54	11/2023
27	Simulation of Maize Biomass and Yield in An Giang, Vietnam, under Climate Variabilities	8		Trends in Sciences ISSN 2774-0226	SJR 2024 0.231 Q2	Google Scholar: 1	21(3):7490	01/2024

	https://tis.wu.ac.th/index.php/tis/article/view/7490							
28	Effects of Temperature and CO2 on Growth and Yield of Corn (<i>Zea mays</i> L.) under Climate Change in An Giang Province Vietnam https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1755-1315/1306/1/012017	8		Earth and Environmental Science (EES) ISSN 1755-1315	SJR 2024 0.214	Google Scholar: 1	1306 (2024) 012017	2024
29	Effects of Accumulated Growing Degree Days (GDDs) on Sesame (<i>Sesamum indicum</i>) Growth and Yield under Greenhouse Condition in the Mekong Delta, Vietnam https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1755-1315/1306/1/012012	5	☒	Earth and Environmental Science (EES) ISSN 1755-1315	SJR 2024 0.214		1306(1):012012	2024
30	Phân loại lớp phủ đất nông nghiệp tại tỉnh An Giang ứng dụng ảnh Sentinel-1 nền tảng Google Earth Engine (GEE)	4		Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			Tháng 6/ 2024 235-244	6/2024
31	Khảo sát dư lượng của một số hoạt chất hóa học trừ nấm bệnh lem lép hạt trên lúa	7		Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			Tháng 6/ 2024 53-61	6/2024
32	Responses of mustard greens (<i>Brassica juncea</i>	9	☒	International Journal of	SJR 2024 0.346 Q2		30, 2024 - Issue 5 527-547	8/2024

	L.) to additional lighting duration of LED under greenhouse conditions in the tropical zone https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/19315260.2024.2384634			Vegetable Science	https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=11400153337&tip=sid&clean=0			
33	The Effect of LED Lighting Durations on Growth, Yield and Quality of Mustard (<i>Brassica juncea</i> L.) under Greenhouse Condition https://tis.wu.ac.th/index.php/tis/article/view/8447	8	☑	Trends in Sciences ISSN 2774-0226	SJR 2024 0.231 Q2 https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21101068817&tip=sid&clean=0		21(12): 8447	10/2024
34	Ảnh hưởng của các loại đất và tỷ lệ phối trộn tro trấu đến sinh trưởng, năng suất của cây giọt băng (<i>Mesembryanthemum crystallinum</i> L.)	5	☑	Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			Số 3/2025	2/2025
35	Ảnh hưởng của cao chiết vỏ quế và chitosan lên bệnh thán thư (<i>Colletotrichum</i> sp.) trên xoài ba màu tại tỉnh An Giang	4	☑	Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			5/2025 40-47	3/2025
36	Đánh giá sinh trưởng, năng suất của bộ giống đậu nành nhật vụ xuân và hè thu năm 2018 tại trường Đại học An Giang	3	☑	Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			6/2025 10-21	3/2025
37	Hiệu quả phòng trị của các dòng nấm nội sinh đối	3	☑	Khoa học và Công nghệ			03 (163)/2025	4/2025

	với bệnh đạo ôn hại lúa http://tsdt.tapchivuas.vn/_Epaper/files/library/site-6/20250513/Bai%2013_So%203%20(163)-2025.pdf			Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558			89-96	
38	Tuyển chọn vi khuẩn không lưu huỳnh màu tía kháng mận và arsen	6	☒	Nông nghiệp & PTNT ISSN 1859-4581			7/2025 27-34	4/2025
39	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía lên năng suất và hấp thu arsen vào hạt lúa	6	☒	Nông nghiệp và Môi trường p-ISSN 3093-3382			10/2025 3-12	5/2025

- Trong đó: lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS là 7 bài gồm số: **15, 20, 21, 24, 29, 32, 33**. Liệt kê chi tiết sau:

15. Nguyen TTX, Steiner U, **Pham VQ*** 2021. Effect of moisture on symptom development and colonization of *Fusarium* species on maize leaves. Current Research in Environmental & Applied Mycology, 11(1), 485–493,

[Doi 10.5943/cream/11/1/33](https://doi.org/10.5943/cream/11/1/33). ISSN: 2229-2225.

Scimago: CiteScore 1.4; SJR (2021): Q3. (SJR (2024): 0.406: Q2

https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100827441&tip=sid&clean=0#google_vignette

20. Le Huu Phuoc, Irfan Suliansyah, Feri Arlius, Irawati Chaniago, Nguyen Thi Thanh Xuan, Nguyen Tran Nhan Tanh, and **Pham Van Quang***, 2022. Rice Growth and Yield Responses to Climate Variabilities and Scenarios. Trends in Sciences, 2023; 20(2): 6390

<https://doi.org/10.48048/tis.2023.6390>. ISSN 2774-0226,

Scimago: SJR (2022) 0.17: Q3

SJR (2024): 0.231: Q2

<https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21101068817&tip=sid&clean=0>

21. Le Huu Phuoc, Irfan Suliansyah, Feri Arlius, Irawati Chaniago, Nguyen Thi Thanh Xuan, **Pham Van Quang***. 2022. Responses of Growth and Grain Yield of IR50404 Rice to Temperature Stress. 2022. International Journal of Agricultural Sciences, 6 (1), 9-18.

DOI: 10.25077/ijasc.6.1.9-18.2022. ISSN: 2598 – 1145.

<https://ijasc.pasca.unand.ac.id/index.php/ijac/article/view/421/93>.

24. Pham, Q.V.; Nguyen, T.T.N.;Vo, T.T.X.; Le, P.H.; Nguyen, X.T.T.;Duong, N.V.; Le, C.T.S. Applying the SIMPLE Crop Model to Assess Soybean (*Glicine max. (L.) Merr.*)Biomass and Yield in Tropical Climate Variation. *Agronomy* **2023**, 13, 1180.

<https://doi.org/10.3390/agronomy13041180>. <https://www.mdpi.com/2073-4395/13/4/1180>.

Scimago: Q1; SJR (2024): 0.744;

https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100447811&tip=sid&clean=0#google_vignette

ISI: IF: 3.3 (2023); 5-Year **IF: 3.7** (2023), JCR - **Q1**

<https://www.mdpi.com/journal/agronomy/history>

29. P V Quang, D V Nha, N T T Hang, L H Phuoc, N T T Xuan, 2024. Effects of Accumulated Growing Degree Days (GDDs) on Sesame (*Sesamum indicum*) Growth and Yield under Greenhouse Condition in the Mekong Delta, Vietnam. *International Interdisciplinary Conference on Green Development in Tropical Regions. IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science* 1306 (2024) 012012.

[doi:10.1088/1755-1315/1306/1/012012](https://doi.org/10.1088/1755-1315/1306/1/012012).

Scimago: SJR (2024):0.214

<https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=19900195068&tip=sid&clean=0>

32. Duong, N. V., Pham, T. M., Nguyen, T. V., Nguyen, P. V., Vo, H. X., Vo, P. T., ... **Pham, Q. V***, 2024. Responses of mustard greens (*Brassica juncea* L.) to additional lighting duration of LED under greenhouse conditions in the tropical zone. *International Journal of Vegetable Science*, 30(5), 527–547.

<https://doi.org/10.1080/19315260.2024.2384634>.

Scimago: Q2; SJR (2024): 0.35;

<https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=11400153337&tip=sid&clean=0>

33. Van Quang Pham, Minh Tan Pham, Van Thuan Nguyen, Van Phuoc Nguyen, Dang Khoa Duong Nguyen, Xuan Huyen Vo, Thu Hau Nguyen Thi and Van Nha Duong, 2024. The Effect of LED Lighting Durations on Growth, Yield and Quality of Mustard (*Brassica juncea* L.) under Greenhouse Condition. *Trends in Sciences* 2024; 21(12): 8447

<https://doi.org/10.48048/tis.2024.8447>. ISSN 2774-0226.

Scimago: Q2; SJR (2024): 0.231;

<https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21101068817&tip=sid&clean=0>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

	An Giang, ngày 25 tháng 06 năm 2025 NGƯỜI ĐĂNG KÝ  Phạm Văn Quang
--	--